

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/04/2024.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Nhơn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Huỳnh Văn Hoàn**.

Ông **Nguyễn Văn Tư**.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung** - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Ngọc Trinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị V**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã HM, thị xã HN, tỉnh Bình Định, (vắng mặt-có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Trần B**, sinh năm 1989.

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố 3, phường PM, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

Tạm trú: ấp 14, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2023 và bản tự khai nguyên đơn chị Huỳnh Thị V trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần B tự tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn ngày 06/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã PM, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường PM). Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng cũng có mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức nghiêm trọng. Tuy nhiên, đến đầu năm 2015 mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh, nguyên nhân do anh B thay đổi tính cách, không tập trung chăm lo làm ăn mà bỏ bê công việc, tụ tập bạn bè ăn chơi, anh B không chung thủy, quan hệ tình cảm nam nữ với nhiều người. Chị đã nhiều lần khuyên giải, động viên mong anh B thay đổi nhưng mọi nỗ lực của chị đều không đạt được. Năm 2016, chị đã về nhà mẹ ruột sống, chị và anh B ly thân từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 23/8/2013. Hiện nay cháu N do anh B nuôi dưỡng, nên sau khi ly hôn chị đồng ý giao cháu N cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*\* Tại bản tự khai ngày 04/3/2024 và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần B trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Thị V được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PM, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống bình thường, vào năm 2014 khi đó cháu N được 07 tháng tuổi thì chị V đi làm không về nhà, sau đó anh có mời gia đình bên vợ ra nói chuyện thì gia đình vợ lại chửi mắng anh. Kể từ đó cho đến nay đã gần 10 năm anh không liên lạc gì với chị V nữa. Chị V cũng không về thăm con hay liên lạc gì với anh. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị V, nên chị V yêu cầu ly hôn thì đồng ý ly hôn với chị V.

- Về con chung: Anh và chị V có 01 con chung tên Trần Hạo N, sinh năm 23/8/2013, từ khi chị V ra đi thì cháu N sống với anh. Nay ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Huỳnh Thị V.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị V, xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị V và anh Trần B được gia đình tổ chức lễ cưới cưới vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn ngày 06/6/2014 tại Ủy ban nhân dân phường PM, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị V trình bày: Chị và anh B phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2015, nguyên nhân do anh B thay đổi tính cách, không tập trung chăm lo làm ăn mà bỏ bê công việc, tụ tập bạn bè ăn chơi, anh B không chung thủy, quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác ở bên ngoài.

Theo anh Trần B trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống bình thường, vào năm 2014 khi đó con anh là cháu N được 07 tháng tuổi thì chị V đi làm không về nhà, sau đó anh có mời gia đình bên vợ ra nói chuyện thì gia đình vợ lại chửi mắng anh. Kể từ đó cho đến nay đã gần 10 năm anh không liên lạc gì với chị V nữa. Chị V cũng không về thăm con hay liên lạc gì với anh.

Qua lời trình bày của chị V và anh B, Hội đồng xét xử nhận thấy chị V và anh B trình bày không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn. tuy nhiên qua lời trình bày của anh, chị cho thấy giữa anh, chị đã có phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã kéo dài nhiều năm. Do mâu thuẫn nên anh, chị đã không sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau”. Thế nhưng giữa chị V và anh B đã không còn tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không chung sống với nhau đã lâu. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị V và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị V yêu cầu ly hôn, anh B thống nhất ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định của pháp luật..

- Về con chung: Chị Huỳnh Thị V và anh Trần B có 01 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 23/8/2013, hiện cháu N đang sống với anh Trần B, khi ly hôn V đồng ý giao cháu N cho anh B được tiếp tục nuôi dưỡng, anh B có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N

Xét thấy: Từ lúc chị V và anh B không còn chung sống với nhau, cháu N sống với anh B, được anh B chăm sóc tốt. Cháu N đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng được sống với anh B.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ Khi ly hôn vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Căn cứ vào quy định trên, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Hạo N cho anh Trần B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu N và quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[4]** Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị V.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị V được ly hôn với anh Trần B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Hạo N sinh ngày 23/8/2013 cho anh Trần B tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Huỳnh Thị V được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị V phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Huỳnh Thị V đã nộp 300.000đồng tạm ứng phí theo biên lai thu số 0005531 ngày 17/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4. Chị Huỳnh Thị V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Anh Trần B có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Nhơn**

